

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Tập 451**

**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**

**Chuyển ngữ: Trung Tấn**

**Biên tập: Nguyễn Tâm**

**Thời gian: 12.06.2011**

**Địa điểm: Càng Sơn Tịnh Tông Học Hội\_Nhật Bản**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống.

Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ 571, hàng thứ 6 từ trên xuống.

“Tác đại lợi lạc giả, ư niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả, linh li tam đồ, đặc vô lượng lực, đồng sanh cực lạc giả”.

Kinh văn nói hai vị Bồ Tát này, họ ở trong vô lượng cõi nước của mười phương chư Phật, “đạt được tùy tâm”, thật là ngàn nơi cầu thì ngàn nơi ứng, Quan Âm, Thế Chí đều là như vậy. Nói: “hiện ở cõi này, làm lợi lạc lớn”. Đây là trong chú giải nói, đặc biệt là đối với chúng sanh niệm Phật, niệm Phật A Di Đà cầu sanh tịnh độ, có duyên sâu dày với hai vị Bồ Tát này.

Lịch sử Trung quốc ghi chép rất nhiều chuyện cảm ứng của Bồ Tát. Ngày nay có nhiều người cầu Bồ Tát, vì sao đa phần không có cảm ứng, chỉ số ít có cảm ứng? Chúng ta biết, cảm ứng không phải ở nơi Bồ Tát, mà cảm ứng ở tự chúng ta. Nguyên nhân thứ nhất là nghiệp chướng của chúng ta quá nặng, tập khí sâu dày, cũng chính là tạo nghiệp nặng nhưng tự mình không hay biết, không biết rõ về Bồ Tát, đây là thật. Vì sao không nhận biết? Vì không nghiên cứu thâm thấu kinh điển nói về hai vị Bồ Tát này, rất xa lạ đối với họ.

Quan Âm Bồ Tát có ba bộ kinh, ba bộ kinh này đều thuộc trong đại kinh, không phải độc lập. Chương Quán Thế Âm Bồ Tát nhĩ căn viên thông trong Kinh Lăng Nghiêm, trong viên thông thứ 25, nằm ở vị trí sau cùng.

Đại Thế Chí Bồ Tát cũng xuất hiện trong chương Đại Thế Chí Bồ Tát niệm Phật viên thông của Kinh Lăng Nghiêm. Kinh văn không dài chỉ có 244 chữ, ngắn hơn cả Tâm Kinh. Ấn Quang đại sư bổ sung chương kinh này vào trong Tịnh độ tứ kinh, trở thành Tịnh độ ngũ kinh. Vốn Tịnh độ có ba bộ kinh một bộ luận. Ba bộ kinh này, thứ nhất là Kinh Vô Lượng Thọ, thứ hai là Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, thứ ba là Kinh A Di Đà.

Trong đó Kinh Vô Lượng Thọ quan trọng nhất, kinh này giới thiệu về mọi phương diện ở thế giới Cực Lạc. Khiến chúng ta hiểu biết được Tịnh tông, biết về thế giới Cực Lạc, biết Phật A Di Đà, mới phát tâm cầu sanh tịnh độ.

Đối với Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, trong đó nói đến hai vấn đề: Một là lý luận, hai là phương pháp, thiên về hai phương diện này. Hai phương diện này nói rõ ràng hơn so với bộ kinh này, không thể không đọc.

Thứ ba là tiểu bản Kinh A Di Đà, rất tiện cho việc thọ trì, có thể dùng làm thời khóa đọc tụng, khiến quý vị ngày ngày không xa rời Phật A Di Đà.

Một bộ luận tức Luận Vãng Sanh của Thiên Thân Bồ Tát, là báo cáo của Thiên Thân Bồ Tát về thành quả vãng sanh bất thoái thành Phật của bản thân, trong khi tu học Tịnh độ, ngài đưa ra báo cáo tu học để mọi người cùng chia sẻ, trong đó rất tuyệt vời. Đây là ba bộ kinh một bộ luận.

Vào năm Hàm Phong nhà Thanh, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm, ông có hội tập Kinh Vô Lượng Thọ, ông đem Phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện, chính là quyển sau cùng của Tứ Thập Hoa Nghiêm, đặc biệt thêm vào trong ba bộ kinh một bộ luận này, trở thành bốn bộ kinh một bộ luận của Tịnh độ. Thêm bộ kinh này vào rất có lý, vì sao vậy? Triên khai kinh văn của Kinh Vô Lượng Thọ, phân đoạn lớn thứ hai vẫn ở phần tựa. Trong phần tựa nói 16 chánh sĩ tại gia Bồ Tát dự hội, đều tu đức của Phổ Hiền đại sĩ. Cho thấy Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện có liên quan mật thiết với Tịnh tông.

Nói cách khác thế giới tây phương Cực Lạc, tất cả Bồ Tát tu học đều từ hạ hạ phẩm, hạ phẩm hạ sanh đến thượng thượng phẩm, tất cả đều tu hạnh Phổ Hiền. Chúng ta đọc quyển kinh này mới biết được, thế giới Cực Lạc là pháp giới của Bồ Tát Phổ Hiền. Trong Kinh Hoa Nghiêm đức Phật từng dạy: Bồ Tát không tu hạnh Phổ Hiền không thể thành Phật. Thế giới tây phương chuyên tu pháp môn mười đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát. Ở đây cũng chứng minh cho chúng ta thấy, thế giới Cực Lạc chỉ có nhất thừa pháp, không hai cũng không ba, là ngang hàng với Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Việc kèm thêm này rất có lý.

Vào đầu năm Dân Quốc tịnh độ tứ kinh lưu thông rất rộng. Ấn Quang đại sư đem Chương Đại Thế Chí Viên Thông kèm thêm vào, hay! Cử chỉ này khiến chúng ta cảm thấy vô cùng tán thán, vì sao vậy? Vì kinh điển của Tịnh tông đã viên mãn. Chương Đại Thế Chí Viên Thông có thể nói là tâm kinh của Tịnh tông, chữ rất ít, phân lượng rất ít, nhưng ý nghĩa sâu xa của Tịnh tông đều nằm trong đó. Đến đây có thể nói là viên mãn, cần phải thêm kinh nào nữa chẳng? Không cần, kinh điển của Tịnh tông đến đây là dùng, đã đầy đủ.

Thế nên Quan Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát có liên quan mật thiết với Kinh Lăng Nghiêm. 25 loại viên thông là ví dụ, trong Kinh Lăng Nghiêm ví dụ, viên thông chính là thành Phật, viên mãn thành Phật. Phật hội 25 vị Bồ Tát trong hội, pháp môn của mỗi người tu không giống nhau, nhưng đều thành vô thượng đạo. Chứng minh rằng pháp môn bình đẳng, không có cao thấp. 25 viên thông này sắp xếp theo thứ tự. Số 25 này là sao? Sáu căn, sáu trần, sáu thức, bảy đại, quý vị thấy  $3 \times 6 = 18, + 7 = 25$ , 25 chính là như vậy.

Sáu căn: thứ nhất là nhãn căn, thứ hai là nhĩ căn, Quán Thế Âm Bồ Tát là Nhĩ Căn Viên Thông Chương, “phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo”. Đây là nói rõ ngài thành tựu như thế nào, làm thế nào để thành Phật, ngài đã dùng phương pháp này. Cho nên dựa vào thứ tự sắp xếp ngài phải xếp ở vị trí thứ hai, sau nhãn căn chính là ngài. Nhưng thứ tự sắp xếp đó rõ ràng đưa ngài ra ở vị trí sau cùng, thứ 25.

Chương Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông thuộc về bảy đại, bảy đại là: đất, nước, lửa, gió, không, kiến, thức. Đại Thế Chí Bồ Tát là kiến đại, kiến đại gọi là căn đại: đất, nước, lửa, gió, không, kiến, thức. Di Lặc Bồ Tát là thức đại, Di Lặc Bồ Tát là chuyên gia duy thức, cho nên thứ tự sắp xếp của Di Lặc Bồ Tát là ở sau cùng, không, kiến, thức. Đất, nước, lửa, gió, không, kiến, thức, Di Lặc Bồ Tát phải là ở sau cùng. Nhưng đem Di Lặc Bồ Tát để ở trước, đem Quán Thế Âm Bồ Tát đặt ở sau cùng, Đại Thế Chí Bồ Tát cũng đặt ở sau cùng. Vấn đề vị trí Đại Thế Chí Bồ Tát đặt ở trước Di Lặc Bồ Tát, hai ngài cách nhau một vị trí. Nghĩa là Di Lặc Bồ Tát thứ 24, Đại Thế Chí Bồ Tát thứ 23, nhưng vị trí hai ngài đã thay đổi, Di Lặc Bồ Tát thứ 23, Đại Thế Chí Bồ Tát thứ 24. Nên không sắp xếp theo thứ tự là hai ngài Đại Thế Chí và Quán Thế Âm, nhưng vì Đại Thế Chí chỉ điều động một vị trí, không quá rõ ràng nên rất nhiều người sơ suất. Quán Thế Âm Bồ Tát thì quá rõ ràng, từ thứ hai xếp ra sau cùng, điều này rất dễ nhận ra. Đặt ở sau cùng chính là pháp môn quan trọng nhất.

Tập tục của Ấn Độ có một chút tương đồng với người Trung Quốc, điều gì tốt đẹp thường đặt ở phía cùng. Cho nên quý vị xem kịch, màn hay nhất là sau cùng gọi là vở kịch then chốt, để tiết mục hay nhất ở sau cùng. Ấn Độ cũng có tục lệ này, cho nên họ cũng để điều tốt nhất ở sau cùng.

Thập Lục Quán trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, niệm Phật là pháp quán thứ 16, quý vị sẽ hiểu được vị trí niệm Phật trong Quán Kinh cao như thế nào. Không cần quán tưởng, “nhớ Phật niệm Phật”, trong Chương Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông nói như vậy. Pháp môn này vô cùng thù thắng, vì sao vậy? Vì nó quá tiện lợi, có thể nhiếp tất cả căn tánh, ba căn thượng trung hạ đều được phổ độ, lợi căn hay độn căn đều nhiếp thu hết, nó đặt ở thứ 16.

Có lần, lúc đó tôi đã xuất gia, chùa Lâm Tế mở giới đàn, tôi làm công quả trong giới đàn. Có mấy sinh viên năm tư khoa triết trường đại học Đài Loan, họ là lớp sắp

tốt nghiệp, dẫn theo một vị giáo sư của họ đến thăm tôi, là giáo sư khách mời người Nhật của đại học Đài Loan, đến thăm tôi, thật hiếm có. Vị giáo sư này hỏi tôi học những kinh điển nào, lúc đó tôi đang học Kinh Lăng Nghiêm, đang theo thầy học, vẫn chưa học xong Kinh Lăng Nghiêm.

Ông hỏi tôi tu pháp môn gì? Tôi nói tôi tu pháp môn niệm Phật, biết sự thù thắng của pháp môn niệm Phật, ông cảm thấy rất kinh ngạc. Ông nói Kinh Lăng Nghiêm với pháp môn niệm Phật có liên quan như thế nào? Thái độ của ông, tư thái rất cao, rất khinh mạn câu trả lời của tôi, không để vào mắt. Tôi hỏi ngược lại ông ta, tôi nói: Đại Thế Chí, Quan Thế Âm Bồ Tát với Tịnh độ có liên quan như thế nào? Tôi không hỏi thì ông không biết, câu hỏi này đã đốn ngã ông ta.

Chương viên thông thứ 25, 25 phương pháp tu hành khác nhau, đều thành Phật, đều thành chánh đạo. Quan Âm, Thế Chí xếp sau cùng trong 25 chương, là pháp môn đặc biệt. Vì sao không xếp Đại Thế Chí ở sau cùng, lại xếp Quan Thế Âm Bồ Tát ở sau cùng? Quan Thế Âm Bồ Tát khéo hợp căn cơ của người thế gian nhất, khéo cơ nhất, cho nên để ở thứ nhất. Ngài trở thành đệ nhất, quan trọng nhất, chủ yếu nhất.

Đại Thế Chí cũng là pháp môn đặc biệt, pháp môn của ngài Đại Thế Chí, có thể khéo hợp căn cơ hết thảy chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới. Quan Thế Âm đặc biệt khéo hợp căn cơ chúng sanh trong địa cầu của chúng ta.

Trên thực tế Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí đều giống nhau, cũng là biến pháp giới hư không giới, nhưng đặc biệt khéo hợp căn cơ người trên trái đất chúng ta. Cho nên sự sắp xếp này đều có học vấn không phải sắp xếp tùy tiện. Tôi phân tích như vậy, khiến ông ta không còn lời nào để nói.

Quý vị thấy nghiên cứu Phật học, nghiên cứu Kinh Lăng Nghiêm, ngay điều này cũng không biết. Như trong những điểm nhỏ này đều tồn tại đạo lý lớn, những điều kỳ diệu đều ở trong đây. Tinh hoa của toàn bộ Kinh Lăng Nghiêm, không phải đều nằm trong biểu tượng trên thân hai vị Bồ Tát này này ư? Nói cách khác chúng ta dùng pháp môn niệm Phật để tu Lăng Nghiêm, thành tựu không thể nghĩ bàn. Phật hỏi về vấn đề viên thông, hỏi những đệ tử trong hội của ngài: Quý vị tu như thế nào để thành vô thượng đạo? Mỗi vị Bồ Tát đều đưa ra giải đáp, sau cùng đem hai vị xếp ở vị trí sau cùng. Những vấn đề này, trong kinh Phật rất nhiều, nhất định không thể sơ suất.

Thế nên hai vị Bồ Tát này có duyên rất lớn với người niệm Phật, chỉ cần là người niệm Phật nhất định phải nhiếp độ họ. Chúng ta thường nói đến thương yêu, quan tâm, chăm sóc, hiệp trợ, những điều này đều là nhiếp thọ. Hai chữ nhiếp thọ này đều bao hàm trong đó, nhưng tự chúng ta phải có thiện căn. Trong Kinh Di Đà đã nói rất rõ ràng, không thể thiếu thiện căn phước đức nhân duyên mà được sanh về nước đó.

Phải đầy đủ thiện căn phước đức nhân duyên. Nhân duyên là dựa vào bên ngoài, Bồ Tát đến nhiếp độ đều là duyên, tăng thượng duyên. Tự mình phải có điều kiện, điều kiện là thiện căn, là phước đức. Thế nào gọi là thiện căn? Tin thật, thực sự nghe hiểu, đây là thiện căn, cái này thuộc về trí tuệ. Thực sự hiểu, đã minh bạch, đã rõ ràng, đây là giải ngộ, không phải chứng ngộ.

Phước đức là gì? Quý vị thật có phước đức, phước báo là hành, là chứng, hành chính là thực hành, y giáo phụng hành. Tín, nguyện là thiện căn, hành là phước đức, vãng sanh chính là chứng, tín giải hành chứng. Cho nên quý vị không chịu hành trì, vậy thì không được, thực hành là điều vô cùng gian nan. Vì sao vậy? Vì lúc thực hành quý vị phải nương vào giáo huấn của Phật, thực sự buông được. Thực sự buông được, vấn đề đầu tiên là bản thân, mình thực sự buông bỏ cái tôi rồi ư? Nếu như thực sự buông bỏ được cái tôi, thì có một hiện tượng, nghĩa là quý vị chung sống với bất kỳ người nào cũng hài hòa. Vì sao vậy? Vì đã vô ngã. Vì sao giữa người với người không thể chung sống? Có lợi hại là có xung đột, không có lợi hại thì xung đột từ đâu mà có? Cái quý vị cần tôi không cần, cái tôi cần quý vị không cần, rất dễ chung sống.

Ngày trước tôi chung sống với Hàn quản trưởng 30 năm chính là như vậy, thứ bà ấy cần tôi không cần, thứ tôi cần bà ấy không cần. Tôi cần cái gì? Ngày ngày lên giảng đường luyện tập giảng kinh. Tôi nói: bà sắp xếp dùm tôi, tạo nhân duyên làm sao khiến tôi giảng kinh không bị gián đoạn. Bà ấy cần gì? Thành lập thư viện, bà ấy muốn làm chủ quản, nhường cho bà, bà muốn quản lý người, muốn quản lý tiền, tất cả đều nhường cho bà quản lý hết. Cho nên tôi trở thành tam bất quản: không quản lý người, không quản lý tiền, không quản lý việc, bà ấy quản lý tất cả. Bà ấy quản lý rất hăng say, cao hứng, tôi không cần. Tôi gặp được một người như vậy, quý vị nghĩ xem một chút xung đột cũng không có, 30 năm chung sống hòa hợp. Nếu như thứ bà ấy cần tôi cũng cần, thứ tôi cần bà ấy cũng cần, thì thật khó.

Quý vị thực sự học Phật, vạn duyên buông bỏ, có người thay quý vị quản lý, quý vị không phải quản lý nữa, sẽ giảm được biết bao nhiêu việc! Cho nên nếu chúng ta không thể chung sống với người ta, tự mình nhất định phải phản tỉnh, lỗi lầm tuyệt đối không phải ở đối phương, khẳng định tự mình có nghĩ đến lợi ích của chính mình, họ gây trở ngại, không phải là việc này sao!

Người xưa nói rất hay: “nếu làm không được, phải xem lại mình”, mới có thể giải quyết vấn đề. Mang tất cả lỗi lầm đẩy cho người khác đây là sai lầm lớn nhất, vĩnh viễn không thể giải quyết vấn đề, chỉ khiến cho vấn đề ngày càng khó giải quyết, rốt cuộc cũng chỉ là buồn bã chia tay. Việc thế gian còn không thành công được thì nói gì đến chuyện xuất thế gian? Khi gặp vấn đề, nhất định phải nghiêm túc phản tỉnh, cố gắng kiểm điểm. Rốt cuộc lỗi lầm này phát xuất từ đâu, chúng ta đã phạm sai lầm nào? Điều này cho dù thế gian pháp, hay xuất thế gian pháp, đều rất quan trọng.

Học Phật sẽ không phát sanh xung đột với người khác, nguyên nhân là gì? Học Phật rất đơn thuần, chúng ta chỉ có một mục tiêu, một phương hướng. Trong đại thừa Phật pháp, một phương hướng đó là tu định, là khai ngộ. Quý vị nghĩ xem tu định, quý vị nếu không thể chúng sống với người, nghĩa là tâm quý vị không định được, vì quý vị chưa buông bỏ.

Cho nên nhiều năm trở lại đây, ít ra cũng ba bốn chục năm rồi, tôi thường khuyên mọi người, thật sự học Phật nên buông bỏ tự tư tự lợi, không có bản thân. Nhu cầu của tôi mỗi ngày là được ăn cơm ngày ba bữa, có một chỗ nhỏ để nghỉ ngơi, như vậy là đủ. Còn cần gì nữa? Không cần gì nữa. Học giảng dạy, cái cần thiết là kinh điển, chúng ta có được được kinh điển, siêng năng học tập, có cơ hội thì lên bục giảng để luyện tập. Vì sao phải luyện giảng? Luyện giảng là trừ nghiệp chướng, buông xả phiền não của mình, đây là một phương pháp rất hay.

Quý vị nghĩ xem, hằng ngày phải giảng kinh, có cần chuẩn bị chăng? Lúc tôi mới học là 26 tuổi, 30 tuổi ra giảng kinh, tôi giảng một giờ phải mất 40 giờ chuẩn bị, như vậy còn thời gian để vọng tưởng ư? Vọng tưởng thì không lên được bục giảng, phải chuẩn bị đầy đủ.

Tôi nghe thầy Lý giảng kinh một giờ, tự tôi trước đó phải chuẩn bị 3 giờ\_Nghe giảng kinh, chuẩn bị giảng kinh. Kinh thầy giảng tôi có, những tài liệu thầy tham khảo tôi cũng có, và dùng những chú giải nào tôi đều có. Tôi tự xem trước, nếu như hôm nay tôi giảng kinh này, giảng như thế nào, khi nghe thầy giảng, những điểm nào thầy giảng hay hơn tôi, tôi không bằng thầy. Quý vị phải nghe như vậy, mới thực sự có thể hiểu được. Lúc nghe kinh phải có chuẩn bị đầy đủ, những chỗ mà người ta giảng hay thật tâm ngưỡng mộ, trí huệ của ông từ đâu mà có? Nương vào kinh điển, chú giải để nói, thì ai cũng nói được.

Ba năm đầu tiên rất vất vả, phần nhiều thời gian đều dùng để chuẩn bị bài, sau này quen dần. Ba năm sau tôi tiến bộ rất nhanh, đại khái giảng một giờ tôi chỉ cần chuẩn bị một giờ là đủ. Cho nên thông thường giảng một tuần, tôi dùng thời gian một ngày để chuẩn bị bài vở, một ngày có thể giảng một tuần, cho nên tôi lại có thời gian để thâm nhập kinh tạng. Thầy dạy thâm nhập một môn chúng tôi không cam tâm, không y giáo phụng hành, vẫn thích học rộng nghe nhiều. Cũng may tôi nghiên cứu không phải quá nhiều, là dục vọng, ham cầu tri thức. Phạm vi của tôi còn rất có hạn, chỉ là mấy bộ đại kinh rất thích như: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bát Nhã của Pháp tướng tông. Tôi chỉ đọc những kinh luận quan trọng này.

Không biết ưu điểm của việc thâm nhập một môn, nếu như từ sớm hiểu được thâm nhập một môn, có người đến bảo với tôi, tôi sẽ nghe lời. Nói rõ ràng, nói cho mình bạch những lý luận này, tôi có thể làm được. 10 năm chuyên nghiên cứu một bộ kinh sẽ đắc tam muội, sẽ khai ngộ. Nhưng vì chính mình không có đạo tràng, không

có đạo tràng nên nhận người khác mời giảng kinh, các nơi trên thế giới đều có mời, cho nên việc giảng kinh không bị gián đoạn. Người ta thích giảng kinh gì tôi liền đáp ứng, giảng cho họ kinh đó. Cho nên đại khái cũng đã giảng mấy mươi loại kinh luận. Điều này đối với việc luyện tập giảng kinh thì vấn đề gì, có chỗ hay, nhưng đối với việc thâm nhập một môn thì sản sanh chướng ngại.

Khiến chúng ta nghĩ đến thời xưa những đại đức này, sống ở trên núi mấy mươi năm không xuống núi, có đạo lí! Tôi từng phỏng vấn trên núi Ti Duệ, chính là cái nơi của Phật giáo Nhật Bản. 30 tông phái của Nhật Bản, tổ sư khai sơn đều tu hành thành tựu ngay trên núi này. Tôi đi phỏng vấn, đặt biệt là nghe ngóng, ngày xưa chư vị tổ sư đại đức ở trên núi này tu hành, thời gian ngắn nhất là bao nhiêu năm? Lúc đó thầy trụ trì nói, ở trên núi ít nhất là 13 năm, dài nhất là hơn ba mươi năm. Từ đây ta có thể nhận ra được định công của họ, vì thế họ có thể thành lập nên một tông phái, vì tổ sư khai sơn của một tông phái đâu phải đơn giản! Thật sự đắc tam muội, khai ngộ, cho nên Phật giáo Nhật Bản vào thời kỳ đó hưng thịnh như vậy, đó là vì sao? Người xuất gia tu hành tinh tấn.

Vào thời Tùy Đường là thời đại hoàng kim của Trung Quốc, thời đại hoàng kim của Phật giáo, đế vương hộ trì. Những gì tổ sư truyền lại, những cao tăng của Nhật Bản, Hàn Quốc đều đến học, thành tựu không thua gì pháp sư Trung Quốc, vì sao vậy? Nhân tánh là bình đẳng.

Người xưa nói: tánh người vốn thiện. Trong Phật pháp nói: Hết thấy chúng sanh vốn dĩ là Phật. Ở đây chính là nói, chỉ cần dụng công tu tập, chắc chắn sẽ thành tựu. Chúng ta tu học trong kinh giáo đại thừa 60 năm, chưa chứng ngộ, nhưng có giải ngộ. Phàm phu thành Phật, trên lí luận nói rất đơn giản, chính là buông xả. Buông xả kiến tư phiền não, chính là chấp trước, không còn chấp trước tất cả pháp của thế xuất thế gian, quý vị chứng được quả A La Hán.

Nói cách khác, có khi chúng ta không thể chung sống với người sự vật, là do chưa buông bỏ kiến tư phiền não mới xuất hiện vấn đề này. Khi đã buông xả kiến tư phiền não, thì vấn đề nhân sự viên dung vô ngại.

Ngày nay về mặt nhân sự chúng ta gặp phải khó khăn, gặp phải rắc rối, phải lập tức phản tỉnh, là do tôi sai, họ không có lỗi gì, vấn đề lập tức được hóa giải. Nếu cho rằng chúng ta đúng, họ không đúng, vấn đề này mãi mãi không thể giải đáp được. Vậy tại sao họ đúng chúng ta không đúng? Để người thế gian phân xử, rõ ràng là họ sai chúng ta đúng, vì sao Đức Phật nói chúng ta sai họ đúng. Đạo lý này ở đâu? Quý vị phải hiểu học Phật là học điều gì? Chính là học buông xả, chúng ta chưa buông xả. Họ chưa buông xả, họ phải là phàm phu, họ không thật sự học Phật, không muốn thành Phật, không muốn đến thế giới Cực Lạc. Tôi thật muốn đi, vậy là do tôi sai.

Trong Bồ Tát hạnh quan trọng nhất là tu nhẫn nhục, tu nhường, nhẫn nhường. Điều đầu tiên trong Bồ Tát hạnh là xả, là buông bỏ. Thứ hai chính là năng nhẫn, xả mà không nhẫn, không thể thành tựu. Xả thêm vào nhẫn chắc chắn thành tựu. Nhẫn nhục ba la mật là phương tiện đầu tiên của Thiên định ba la mật, có nhẫn mới đắc định, có định mới khai tuệ.

Không buông được, không thể nhẫn, trong đời này quý vị muốn thành tựu, sẽ rất khó, quá khó! Phải nhẫn tất cả, ban da xẻ thịt cũng phải nhẫn, điềm nhiên như không, quý vị mới có thể thành tựu. Cho nên phải nghĩ đến nhẫn nhục tiên nhân, bị Ca Lợi Vương lăng trì xử tử, lăng trì là gì? Là dùng dao cắt từng miếng thịt cho đến chết, quý vị nói đau khổ biết bao! Ngài có oán hận chăng? Không có. Ngài có nói Ca Lợi Vương sai chăng? Ca Lợi Vương không sai, sai ở đâu? Sai ở chính mình, nhẫn nhục ba la mật đã viên mãn.

Thế Tôn vốn dĩ thành Phật sau ngài Di Lặc, Di Lặc là vị Phật thứ tư, Thích Ca Mâu Ni là vị Phật thứ năm, vì sao hai ngài đổi chỗ. Phật Thích Ca Mâu Ni trước Di Lặc sau? Chính là Ca Lợi Vương giúp ngài, nhẫn nhục ba la mật đã viên mãn, ngài thành Phật trước thời hạn, thế nguyện ngài phát ra đã thực hiện xong.

Ca Lợi Vương hỏi ngài, tâm có sân hận chăng? Không. Tiên nhân nói: Tương lai tôi thành Phật người đầu tiên tôi độ chính là ông. Đức Thế Tôn thành Phật, người đầu tiên ngài độ là tôn giả Kiều Trần Như, Kiều Trần Như chính là tiền thân của Ca Lợi Vương, quả thật là người thứ nhất chứng quả A La Hán. Điều này là tấm gương tốt đẹp nhất cho chúng ta, một sự si nhục, tổn thương lớn như vậy cũng điềm nhiên như không, không sanh một chút tâm sân si nào, chỉ là một tấm lòng từ bi. Ngài biết hành động của Ca Lợi Vương giúp ngài nâng cao cảnh giới rất nhanh\_Cảm ân. Báo ân, đó chính là người đầu tiên ngài độ là Ca Lợi Vương.

Cho nên chúng ta làm sao chung sống hòa hợp với tất cả mọi người? Quý vị nói chính người trong nhà Phật với nhau cũng không thể chung sống hòa hợp, thì làm sao có thể hòa hợp với các tôn giáo và chủng tộc khác nhau, làm sao có thể hòa đồng với hết thầy chúng sanh khắp biến pháp giới hư không giới? Quý vị học đại thừa, thì nguyện của quý vị là phải phổ độ chúng sanh: Chúng sanh vô thể nguyện độ. Vậy mà còn xung đột với điều này, xích mích với người kia, như vậy lời nguyện này của quý vị là giả không phải thật, không phải là tự lừa dối mình ư?

Phật pháp nói khó chính là khó ở chỗ này, dễ cũng dễ ở chỗ này. Quả nhiên khi đã giác ngộ, mọi lúc mọi nơi đều có thể quên mình vì người, nơi nơi đều có thể nhân nhượng, vấn đề sẽ thông suốt không chướng ngại, tất cả vấn đề đều được giải quyết.

Chúng tôi trước đây ở Singapore làm công tác đoàn kết tôn giáo, có được một ít kinh nghiệm. Singapore lúc đó có chín tôn giáo, chúng tôi tiếp xúc đều rất hoan hỷ, Ki

tô giáo cũng không ngoại lệ, gặp phải cửa ải khó khăn là gì? Cửa ải khó chính là Ki Tô Giáo, họ tương đối cố chấp. Bên ngoài họ thể hiện chung sống hòa hợp với chúng ta, trên thực tế họ rất dè dặt.

Các Tôn giáo khác đều không đến một năm là trở thành anh chị em. Ki tô giáo ba năm, ba năm họ mới tham gia, thật cảm động. Hồi giáo làm hoạt động quyên góp, tôi nghe nói Mục sư của Cơ Đốc giáo, hình như đóng góp 10 vạn tiền Sin để họ làm việc từ thiện, đây là điều không thể, nhưng lại là sự thật, không phải giả. Cho nên chỉ cần có thiện tâm, chân tâm, chắc chắn không lừa dối người. Con người vốn có tình cảm, nên sẽ bị cảm động, không cảm động là chân thành của chúng ta chưa đủ, phương pháp của chúng ta sai lầm. Thật sự trở thành người một nhà, chúng tôi vui mừng vô cùng.

Vì vậy Tôn giáo ở Singapore rất đoàn kết, Tôn giáo nào gặp khó khăn mọi người cùng nhau giúp đỡ. Khi tổ chức các hoạt động, tôi ở Singapore cũng đến. Lễ lớn của Phật môn họ cũng đều đến, hoạt động lớn của họ tôi cũng đi tham gia, đích thực là dung hợp thành một. Tôn giáo khác nhau có thể hợp thành người một nhà, chung sống hòa hợp như vậy thực sự là hỗ trợ hợp tác, quan tâm lẫn nhau, chiếu cố lẫn nhau, kính ái lẫn nhau.

Vì sao người cùng một Tôn giáo mà không thể đoàn kết, còn có quan điểm riêng của từng môn phái? Không phải chính là tranh danh lợi ư? Cho họ danh lợi, thì sự việc lập tức được giải quyết, cho họ danh lợi, cảnh giới của quý vị được nâng cao lên, không những không thiệt thòi, mà còn được lợi ích lớn. Khi họ chi li chấp vào danh lợi, là họ đang đọa lạc, nếu buông bỏ tất cả, ngược lại cảnh giới ngày càng đi lên, lên đến một trình độ, mà họ không theo kịp quý vị. Phải đọc kinh, phải hiểu nghĩa, sa khi hiểu phải thực hành, phải tu trì. Nhất định phải đem đạo lý ở trong kinh biến thành tư tưởng của mình, giáo huấn ở trong kinh trở thành hành vi sinh hoạt của chúng ta, như vậy mới thật sự đạt được lợi ích.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói ba loại chân thật, không phải lừa dối người.

Chân thật rốt ráo, câu này hiện nay chúng ta gọi là chân lý, chân thật rốt ráo là chân lý, là chân tướng sự thật.

Trí tuệ chân thật, lợi ích chân thật, không có trí tuệ chân thật thì làm gì có lợi ích chân thật? Ngày nay chúng ta học Phật, không lấy trí tuệ chân thật làm mục tiêu chủ yếu, cho nên việc tu học rất khó khăn, thường dễ thôi tâm, phiền não tập khí luôn khởi hiện hành, quý vị không đặt trí tuệ chân thật ở vị trí đầu tiên. Chúng ta học đại thừa là học điều gì, học Tịnh tông là học điều gì? Chúng ta phải hiểu rõ ràng vấn đề này, mục đích cuối cùng của chúng ta là đến thế giới tây phương Cực Lạc. Quý vị nên nhớ rằng:

Nơi đó là chỗ câu hỏi của các bậc thượng thiện nhơn, chúng ta có đủ điều kiện thượng thiện chăng?

Không phải bậc thượng thiện không thể vãng sanh. Phật A Di Đà đến tiếp dẫn, nhưng đại chúng không hoan nghênh, quý vị cũng hết cách. Phật A Di Đà đến tiếp dẫn, tất cả đại chúng của thế giới tây phương đều hoan nghênh quý vị, vì sao? Hàng thượng thiện nhơn, bậc thượng thiện nhơn còn có thể tính toán với người khác sao? Đâu có đạo lý này! Bậc thượng thiện nhơn còn điều gì không buông xả được sao? Mỗi niệm vì tất cả chúng sanh không thể niệm niệm nghĩ đến mình.

Mao chủ tịch đã nói một câu nói, đó là đại thừa Phật pháp đó là Bồ Tát đạo: “Toàn tâm toàn lực vì nhân dân phục vụ”, đây là Bồ Tát không phải người bình thường. Trong đại thừa pháp đem nhân dân đổi thành chúng sanh, vì nhân dân trong mười pháp giới chỉ có một đường\_Nhân đạo. Phật gia phục vụ khắp mười pháp giới, trên từ Bồ Tát dưới đến A Tỳ địa ngục, đều là đối tượng phục vụ của chúng ta, đều phải toàn tâm toàn lực phục vụ những chúng sanh này. Phục vụ chư Bồ Tát, phục vụ chư Thanh Văn, Duyên Giác. Phục vụ thiên nhân, phục vụ nhân gian, phục vụ súc sanh, ngã quý, địa ngục, chúng sanh. Mười pháp giới là thật không phải giả, nếu không tin, quý vị dùng thời gian một năm là có thể chứng minh được, nó thật có, thời gian một năm có được chút công phu.

Khi mới học Phật, tôi có một ban học rất thân. Lúc đó chúng tôi có ba người, ba người cùng tuổi mà vận mạng đại khái gần giống nhau. Những người bói toán xem tướng, nói ba người chúng tôi đều không qua được 45 tuổi. Thật vậy, năm 45 tuổi, hình như là tháng ba, người thứ nhất ra đi\_Pháp Dung pháp sư, đến con đường nào tôi không biết được. Tháng 5 người thứ hai ra đi\_Minh Diển pháp sư, Minh Diển là bạn học thời trung trong thời kỳ kháng với tôi. Sau này ở Đài Loan chúng tôi lại là đồng nghiệp, tôi xuất gia, ông cũng từ bỏ công việc cùng tôi xuất gia.

Ông vô cùng hiếu học, làm việc lại rất siêng năng. Sau khi xuất gia thọ giới, ông học theo Mật tông, tôi cảm thấy rất đáng tiếc, vì sao ông không học giảng sư? Ông nói học giảng sư quá khó, kinh điển quá nhiều, ông học Mật tông với Khuất Văn Lục lão cư sĩ, đó cũng là một vị kim cang thượng sư. Măm đó, ông đến bảo với tôi mật là thực hành, hình như là quy định trong một thời gian nhất định phải lạy mười vạn lạy, mười vạn lạy, ông thật làm.

Khoảng một năm sau ông đến thăm tôi nói: bây giờ ông có một chút thần thông, có thể thấy được quý thần, nói với tôi tình hình của quý thần. Ông nói rõ vì sao ông học Mật tông, Mật tông dùng thần thông độ chúng sanh dễ. Ông lại nói: thầy học giảng sư, thầy nói đến hư cả lưỡi cũng không ai tin tưởng, tôi vừa hiện thần thông họ liền tin ngay. Tôi đùa với ông rằng: thầy năm nay rất tinh tấn, thật khó được, bây giờ thầy chưa đạt được thần thông, nhưng đã đạt được quý thông. Nhưng quý thông cũng

không được, quý thông thầy thấy được quý, tôi chưa thấy được, tôi không tin, tôi nói thầy nói tầm bậy.

Năm đó ông 45 tuổi đã ra đi, năm 45 tuổi đó giữa tháng 7 tôi cũng bị bệnh. Tôi liền nghỉ, hai vị trước đã đi, bây giờ đến lượt tôi. Khi tôi bệnh, tôi đang giảng Kinh Lăng Nghiêm, mới giảng một nửa Kinh Lăng Nghiêm thì bị cảm nặng. Bệnh suốt một tháng, tôi nghĩ năm nay thọ mạng của tôi đã hết, tôi cũng không cần mời bác sĩ, cũng không cần uống thuốc, vì sao? Tôi nói bác sĩ chỉ có thể chữa bệnh không thể chữa mạng, thọ mạng của tôi hết rồi, nên tôi niệm Phật cầu vãng sanh, niệm một tháng thì bệnh lành. Cả đời không sanh bệnh, chưa từng đến bệnh viện, không có lịch bệnh của tôi.

Sau khi bệnh hết, tôi nghỉ ngơi hai tháng thì trở lại giảng kinh. Hình như qua hai năm sau, tôi giảng Kinh Nhân Vương trong “Nhân Vương Hộ Quốc Pháp Hội”, không phải giảng toàn kinh, chỉ giảng đại ý. Vì họ chỉ dành cho tôi thời gian 40 tiếng\_12 ngày, 40 giờ không giảng hết bộ kinh này được, nên chỉ giảng đại ý, tôi soạn một đại cương.

Trong Pháp hội gặp được Cam Châu Hoạt Phật, những người lớn đều biết ngài, hiện nay ngài đã mất. Chúng tôi cũng là bạn cũ, bạn học cũ, Ngài là học trò của Chương Gia đại sư, lớn hơn tôi mười mấy tuổi. Ngài thấy tôi liền đến tìm gặp, tôi hỏi ngài có việc gì? Ngài nói: thầy đến ngồi cùng nói chuyện, ngài nói: chúng tôi trước đây đều phê bình thầy, đều nói thầy. Tôi hỏi nói gì? Nói con người của thầy được cái thông minh nhưng tiếc không có phước báu, thọ mạng lại quá ngắn. Tôi nói: những việc này không cần nói sau lưng, có thể trực tiếp nói với tôi. Tôi nói: tự tôi đã biết, rất rõ ràng, rất tường tận.

Sau đó ngài nói với tôi, mười mấy năm nay\_Lúc đó tôi giảng kinh đã 12 năm, 33 tuổi bắt đầu giảng kinh đến 45 tuổi là đã 12 năm. Ngài nói: mười mấy năm nay, công đức giảng kinh của thầy rất lớn, vận mạng của ngài đã thay đổi, nên thọ mạng của thầy rất dài, phước báu của thầy rất lớn. Ngài nói lời này, năm thứ hai thì ngài mất, đây là một vị thượng sư rất giỏi của mật tông. Phật môn chúng ta cũng mất đi một người bạn đạo, rất đáng tiếc.

Lúc đó tôi không biết, giảng kinh có thể thay đổi vận mạng, thật không ngờ. Tôi giảng kinh là thầy dạy, thầy Lý khuyên tôi nhất định phải học giảng kinh, và tôi theo ông học giảng kinh. Chương Gia đại sư dạy tôi, khuyên tôi xuất gia, muốn tôi học Phật Thích Ca Mâu Ni, lúc đó tôi mới học Phật, 26 tuổi. Đại sư dạy tôi đọc cuốn sách thứ nhất là Thích Ca Phương chí, Thích Ca Phổ, lúc đó không có sách này để đọc.

Chúng tôi lợi dụng kỳ nghỉ đến chùa Thiện Đạo để chép kinh, chép ra từ trong Đại Tạng Kinh. Cũng may là phân lượng không nhiều, vài ngày thì đã chép xong. Đại

sư nói với tôi, học Phật, là phải hiểu biết về Phật Thích Ca Mâu Ni, nếu không biết về ngài, thì con sẽ đi đường vòng. Hai quyển sách này chính là truyện ký của Phật Thích Ca Mâu Ni, trích dẫn từ trong kinh điển, viết vào thời nhà Đường.

Sau khi đọc xong chúng ta mới biết, Đức Thế Tôn không có quan hệ gì với Tôn giáo. Chúng ta thấy hành trạng cuộc đời ngài, về sau tuổi tác ngày càng lớn lĩnh hội càng ngày càng sâu. Phật Thích Ca Mâu Ni 19 tuổi xả bỏ vương vị, buông xả vinh hoa phú quý, trong Phật pháp gọi đây là buông bỏ phiền não chướng. Ngài ra đi cầu học, trải qua cuộc sống cầu học, là đời sống khổ hạnh tăng, không dễ. Học tập 12 năm, 19 tuổi đến 30 tuổi. Trong 12 năm này tất cả Tôn giáo của Ấn Độ, Ấn Độ là nước của Tôn giáo, ngài đều đến tham học. Ấn Độ cũng là nước của học thuật, triết học vô cùng phát triển, những học phái này ngài cũng đều đến tham học.

Suốt 12 năm, tất cả Tôn giáo của Ấn Độ ngài đều tham kiến, đều học qua, ngài còn học rất chuyên tâm, thực gọi là dũng mãnh tinh tấn. Bất luận là Tôn giáo hay học phái nào của Ấn độ, đều xem trọng tu thiền định, tứ thiền bát định là của Bà La Môn giáo, chúng ta tin rằng Thế Tôn học một cách rất tốt.

Trong thiền định hoàn toàn đột phá không gian duy thứ, một người ở trong thiền định có thể thấy được trời phi phi tường xứ. Trong lục đạo trời vô sắc giới là cao nhất, phía dưới có thể thấy được A Tỳ địa ngục, cho nên nó là thật, không phải là giả. Trong thiền định là cảnh giới hiện lượng, không phải là tỷ lượng, không phải phi lượng. Nói cách khác là chúng ta tận mắt chứng kiến, tận tai nghe được, quý vị đều tiếp xúc được, ở đây đâu là giả!

Cho nên Phật giáo thừa nhận chư thiên quý thần, thừa nhận. Nhưng họ là phàm phu, là chúng sanh trong sáu nẻo, họ mê hoặc, tạo nghiệp, họ đang thọ báo, quá rõ ràng. Không lấy thiên thần làm thầy, không phải vậy, nhưng đối với thiên thần ngay cả đối với chúng sanh ở A Tỳ địa ngục đều tôn kính, đây là Phật khiêm nhường. Người tạo ra tội nghiệp làm sao có thể không kính ngài! Vì sao kính họ? Vì bản tánh của họ là Phật, họ vốn dĩ là Phật.

Nhìn từ trên bản tánh thì quý vị phải cung kính họ, sự nghiệp họ làm thì cứ tùy họ, chúng ta không cách gì hạn chế họ, không thể bảo họ không tạo tội nghiệp. Tạo ác nghiệp là việc của họ, nhưng tạo ác nghiệp gì họ sẽ thọ quả báo đó, quý vị sẽ thấy được rõ ràng. Thấy họ tạo nghiệp, thấy họ thọ báo, thấy họ chịu khổ, thấy họ khổ thọ xong, họ đã thoát ra, thoát ra nhưng phần nhiều họ lại mê hoặc, rắc rối là ở chỗ này. Số ít có thể gặp được Phật Bồ Tát nghe giáo huấn của Phật Bồ Tát, họ giác ngộ, họ đã bừng tỉnh, không còn tiếp tục tạo nghiệp, họ có thể tu hành, có thể hướng đến siêu sanh.

Tịnh tông thực sự là pháp khó tin, không có thiện căn sâu dày tuyệt đối không thể tin tưởng. Thiện căn sâu dày này là trong đời quá khứ từng học qua, tích lũy được nhân duyên này. Cho nên trong kinh lúc Phật giới thiệu cho chúng ta, pháp môn này gọi là pháp khó tin, đặc biệt là phần tử tri thức. Trong phần tử tri thức bao gồm A La Hán, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát, đây đều là phần tử tri thức, nó có đạo lí.

Vì sao thế giới Cực Lạc lại không thể nghĩ bàn như thế? Tất cả tùy tâm sở niệm, đều là biến hóa tự nhiên xuất hiện. Việc này khiến chúng ta nghĩ đến đệ lục thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên, cõi trời thứ 5 trời Hóa Lạc. Chúng ta đã có ví dụ đưa ra rồi, Hóa Lạc thiên nhân mọi thứ thọ dụng của họ đều do biến hóa. Vậy Phật A Di Đà tu hành ở thế giới Cực Lạc, bất luận là nguyện lực, tu hành đều vượt qua trời dục giới, họ vì sao không thể biến hóa?

Chúng ta đã hiểu rồi, lại thấy địa ngục là do biến hóa, quý vị không có nghiệp này thì cơ bản không nhìn thấy được. Chỉ có hai hạng người có thể thấy được: Một người là tạo tội nghiệp, nó hiện tiền, giống như nằm mộng vậy, trong mộng thấy được. Không có nghiệp lực này, quý vị đang nằm mộng người khác không thấy được.

Thứ hai là Bồ Tát có thể thấy được, Bồ Tát đến địa ngục để giáo hóa chúng sanh, cho nên họ có thể thấy được, ngoài hai hạng người này ra thì không ai thấy được. Việc này trong Kinh Địa Tạng đã nói rõ, Bà La Môn nữ muốn cứu mẹ của mình, biết được mẹ mình tạo nghiệp địa ngục. Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai dạy cô phương pháp niệm Phật, cô ta dùng phương pháp niệm Phật này, thành tâm niệm suốt một ngày một đêm. Mẫu thân là tăng thượng duyên, không phải vì cứu mẹ tâm này của cô không phát khởi được.

Công phu của bà la môn nữ chỉ ít là sự nhất tâm bất loạn, sự nhất tâm bất loạn sẽ có tư cách đến địa ngục để tham quan. Bây giờ chúng ta biết cũng có thể là lí nhất tâm bất loạn, lí nhất tâm bất loạn là địa vị của pháp thân Bồ Tát. Vì rất có khả năng, khi chúng ta đọc xong chương Tam Bồi Vãng Sanh sau cùng của Kinh Vô Lượng Thọ. Trong kinh nói: Nhất tâm tam bồi, một niệm lúc lâm chung nếu là chân tâm, không phải vọng tâm, là dùng chân tâm, chân tâm chính là lí nhất tâm. Chân tâm nhất niệm, công đức đó vượt trội, thì quý vị sẽ thượng phẩm thượng sanh, cái này không thể xem thường.

Quý vị xem thường người khác, họ không bằng tôi, nói không chừng lúc họ vãng sanh, nếu một niệm sau cùng là lí nhất tâm, phẩm vị lập tức được nâng lên. Đến thế giới tây phương Cực Lạc họ ở trên cao, chúng ta kém xa họ, điều này rất có thể. Hiểu rõ đạo lí này làm sao dám xem thường người khác? Không những không thể xem thường người khác, ngay cả côn trùng kiến bọ đều không thể xem thường. Nói không chừng sau khi nó chết sanh đến cõi người, tu hành chứng quả. Họ làm Phật đầu trước chúng ta, chúng ta còn ở trong hội của họ xưng là đệ tử, điều này rất có thể.

Cho nên trong Bồ Tát có một vị đại diện gọi là Thường Bất Khinh Bồ Tát, không dám khinh mạn với bất kỳ chúng sanh nào, đều chân thành cung kính, thực hành mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát. Lúc chúng ta gặp thiên tai, chúng ta có tín tâm, thực sự tin tưởng không hoài nghi, vì sao vậy? Quán Thế Âm Bồ Tát vô lượng kiếp trước, ngài đã tu đại từ đại bi sớm hơn cả Phật A Di Đà. Phật A Di Đà phát 48 lời nguyện mới tu hành 5 kiếp, còn Bồ Tát Quán Âm tu hành vô lượng kiếp, quý vị sẽ hiểu sức mạnh từ bi đó lớn làm sao. Nếu không hiểu được chân tướng sự thật này, sẽ không có lòng tin với ngài, không có lòng tin là sao? Lúc chúng ta cầu ngài, trong cảm ứng không có hiệu quả.

Nên Phật dạy: hết thấy các pháp từ tâm tướng sanh, câu này là chân lí, chắc chắn chính xác. Chúng ta đối với Bồ Tát mười phần tin tưởng, Bồ Tát gia trì mười phần, tin tưởng vạn phần thì ngài có thể gia trì vạn phần. Chúng ta chỉ có một phần, hai phần, sức gia trì của ngài cũng chỉ có một phần hai phần, với tín tâm của quý vị chắc chắn cân xứng.

Chúng ta ngày nay phần nhiều đối với Phật Bồ Tát bán tín bán nghi, cho nên mặc dù cầu Phật Bồ Tát nhưng dường như Phật Bồ Tát không có cảm ứng, vấn đề là do đâu? Do bản thân chúng ta nghi hoặc đã phá hoại cái cảm của chúng ta, cảm đó không thanh tịnh, không chân thành khẩn thiết. Trong kinh này nói rất nhiều, quý vị không thể không thấu triệt nó. Ưu điểm của sự thấu triệt có hai điều: thứ nhất là đoạn nghi sanh tín, thứ hai là tăng trưởng tín tâm. Tín tâm kiên định, không chút hoài nghi, thì cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn, cho nên trong đây tồn tại đạo lí rất lớn.

Ngày nay chúng ta thực sự tin tưởng những gì trong kinh Phật dạy, thiên tai này là trên mặt tâm lí tạo thành, do ý nghĩ bất thiện tạo nên, quý vị phải thật tin tưởng câu này. Chúng ta quay đầu lại nói, chúng ta đã đoạn trừ tham, chắc chắn không có tâm tham, thì thủy tai sẽ không còn. Chắc chắn không có sân nhuế, cho dù gặp phải nghịch cảnh gì cũng không thể nổi giận, đều dùng vẻ mặt hòa nhã để xử lí, thì hỏa tai không còn nữa. Nhiệt độ trái đất hồi phục bình thường, không hề khác thường, chột lạnh chột nóng.

Trí tuệ hiện bày không còn ngu si thì phong tai không còn nữa. Không có ngạo mạn, đối với tất cả chúng sanh đều khiêm tốn, khiêm nhường thì động đất không còn nữa. Tín tâm kiên định, không hề hoài nghi, không hoài nghi đối với bất kỳ ai, không cần phòng bị người khác, dè dặt với người rất mệt. Không có tâm hại người, cũng không có tâm phòng bị người, mới được đại tự tại. Tín tâm kiên định, đối với thân thể mà nói là sức khỏe sống lâu, đều từ tín tâm mà có. Môi trường sinh sống sẽ không có bất kỳ thiên tai nào, là do tín tâm thành tựu nên.

Ngày nay phiền phức là do tham sân si mạn nghi, không có người nào không gây ra, mọi người đang tạo ra, liều mạng để tạo. Người xưa lúc họ gây tội nghiệp còn có

mức độ, không dám quá đáng, đó là gì? Đó chính là tiêu chuẩn của luân lí, mực thước của đạo đức, phải luôn tuân thủ, đôi lúc vượt qua một chút nhưng không dám quá đáng.

Ngày nay những giới hạn này không còn, tiêu chuẩn không còn, giới hạn không còn, mới chiêu cảm nhiều thảm họa cho trái đất như ngày nay! Tất cả đều có nguyên nhân, không phải là vô cớ. Thực sự hiểu rõ, minh bạch, trong câu kinh văn này cho chúng ta thông tin này: “thế gian thiện nam tử, thiện nữ nhơn”, đặt biệt phải chú trọng chữ “thiện” này. Không phải người bình thường gặp phải cấp nạn đáng sợ, quý vị cầu Quán Âm Bồ Tát, ngài liền đến giúp quý vị, thực sự ngài cũng đến giúp quý vị, nhưng không thể giúp được. Vì sao? Quý vị phải có thiện \_ Thiện căn, đây là chữ then chốt.

Thiện ở đây là gì? Thập nhất là mười thiện nghiệp, bình thường quý vị có thể tu mười thiện nghiệp. Điều thứ nhất trong mười thiện nghiệp là không sát sanh, cho nên người thế gian chắc chắn không thể khởi chiến tranh, nghiệp lực đó quả thật đáng sợ. Hi vọng trên thế gian này vĩnh viễn không có chiến tranh, có thể làm được chăng? Có thể. Chỉ là chúng sanh ngu si không hiểu được, không dùng thủ đoạn chiến tranh có thể thống nhất thiên hạ chăng? Có thể.

Trường hợp này Trung quốc cũng có: Hoàng Đế, Nghiêu Thuấn Vũ Thương đều không dùng chiến tranh, được các nước chư hầu tôn lên làm thiên tử, họ không có chính quyền, không thể can thiệp người khác. Mỗi nước chư hầu đều là nước độc lập, mọi người đều tôn xưng quý vị làm thiên tử, nghe giáo huấn của quý vị, nghe hiệu lệnh của quý vị. Tất cả sự vụ của quốc gia đều đến thỉnh giáo họ, vì sao? Anh làm quá tốt, anh là tấm gương của chúng tôi, là mô phạm của chúng tôi, mọi người chúng tôi theo anh học tập.

Quý vị xem, lịch sử Trung quốc ghi chép, bắt đầu từ Hoàng Đế, Nghiêu Thuấn Vũ Thang, Hạ Thương Chu. Vũ là Hạ, Vũ vương đại khái hơn 400 năm, Thương 600 năm, Chu hơn 800 năm, cộng lại hơn 1800 năm, lại thêm Hoàng Đế ở phía trước là gần 2000 năm. 2000 năm này Trung quốc chưa thống nhất, đều là nước chư hầu, đều là tôn trọng những người có đức hạnh, người có trí tuệ, tôn xưng họ làm thiên tử. Nghe theo mệnh lệnh của họ, không cần chiến tranh. Họ thực hành điều gì? Trong lịch sử Trung quốc ghi chép: Tam Hoàng lấy đạo trị thiên hạ, đạo là vô vi, vô vi nhưng họ đều làm tất cả, họ hành đạo.

Ngũ Đế thì hành đức, thấp hơn một bậc, dùng đức, Nghiêu Thuấn Vũ chính là dùng đức, lấy đức để cảm hóa thiên hạ, Hạ Thương Chu đây chính là Tam Vương. Trung Quốc từ nhường ngôi trở thành độc chiếm thiên hạ. Hạ Vũ, Vũ vương truyền cho con của ông, con cái quá giỏi, thiên hạ đều tôn sùng ông, thật là một người tốt. Nhưng từ đó trở về sau thì trở thành độc chiếm thiên hạ, lúc truyền ngôi đều truyền

cho con cháu. Họ hành nhân, Tam Vương hành nhân, nhân là cái gì? Nhân là thương người.

Đến thời Xuân Thu, xã hội động loạn, mọi người đối với việc tôn trọng thiên tử như trước đây, không quá xem trọng, mỗi người đều vì chính quyền của mình. Đây là xã hội động loạn, tuy là xã hội động loạn, nhưng cũng nói nghĩa khí. Ngũ Bá nói về nghĩa, đến nhà Tần thôn tính bảy nước thống nhất Trung Quốc, đây là lần đầu tiên của Trung Quốc thực sự thống nhất về mặt chính trị.

Nhà Tần bắt nhân bắt nghĩa, 15 năm thì mất nước, thời gian ngắn nhất. Hán giành lấy ngôi vị, nhà Hán được 400 năm, áp dụng học thuyết Nho học của Khổng Mạnh để giáo hóa nhân dân, học thuyết Khổng Mạnh dạy điều gì? Dạy lễ, đạo đức nhân nghĩa lễ. Trung Quốc mãi đến Mãn Thanh đều tuân thủ lễ, cho nên lấy lễ để kết giao. Đến thời Dân Quốc, lễ không còn nữa, lễ không còn thì thiên hạ đại loạn. Trong sách của các bậc tổ tông viết rất rõ ràng: Đạo đức nhân nghĩa lễ, lễ không còn nữa, thì thiên hạ loạn.

Xã hội ngày nay không phải đang động loạn ư? Làm sao để hồi phục? Lúc hồi phục trước phải hồi phục lễ chế, vì khi nâng cao dần lên, lễ nâng lên đến nghĩa, nghĩa nâng lên đến nhân, như vậy mới có thể hồi phục. Đạo đức là tốt nhất, cho nên con người có thể hành đạo đức thì thiên hạ quy tâm, ai không ủng hộ quý vị? Quý vị thương người khác, người khác thương quý vị, quý vị không thương người khác, người khác không thể thương quý vị. Cho nên không cần dùng vũ lực, chắc chắn không thể giết người, giết người hại người là tự giết mình, là tự hại mình, quả báo không tốt, không thể không biết điều này.

Trong điều này, trước đây chúng ta cũng thường hay nói: người từng học đức, từng học lễ nghĩa, thì con người không bằng lòng làm việc xấu, vì sao? Xấu hổ, sự việc làm sai lương tâm quở trách, không bằng lòng làm việc xấu, hiểu được nhân quả báo ứng, con người không dám làm việc xấu. Cho nên Trung Quốc mấy ngàn năm, quốc gia lớn như vậy, dân số nhiều như vậy, chính hai điều này đã chế phục được nhân tâm. Con người nơi đây yên ổn lâu dài, chính trị thanh bạch rõ ràng.

Vào thời xưa, các ngành các nghề, làm quan cũng là một nghề nghiệp, nhẹ nhàng nhất, vui sướng nhất, vì sao? Việc ít, không có việc làm, người người đều là người tốt, mọi việc đều là việc tốt, cho nên người làm quan không có việc làm. Chúng ta xem Tứ khố toàn thư, tập bộ đó là văn học, thơ từ ca phú, văn học. Trong đó hơn một nửa đều là người làm quan viết, tác phẩm của họ, vì sao? Không có việc làm, ở nhà viết văn chương, điền từ làm thơ, họ làm điều này, tiêu khiển. Một tháng có một, hai vụ án là đã quá nhiều, đây là sự thành công của giáo dục, cho nên nói: “xây dựng đất nước, dạy học làm đầu”. Ai dạy? Gia giáo. cho nên giáo dục là trách nhiệm của gia đình và

gia tộc. Trước đây là một đại gia đình, nó không phải là tiểu gia đình, một gia tộc chính là một thôn.

Bây giờ quý vị xem trên bản đồ Trung quốc, mở bản đồ ra, quý vị thấy ở nông thôn, đây là Vương trang, kia là Lý trang, thì quý vị hiểu được trước đây một thôn trang đó là một nhà. Thông thường một gia đình nhân khẩu thường khoảng trên dưới 300 người, khoảng 300 người cùng chung sống, nếu không có quy củ thì không phải đã loạn rồi sao? Thì quý vị hiểu được Đệ Tử Quy là gia tộc, là quy tắc mà bất kỳ một gia tộc hay cộng đồng nào đều phải tuân thủ, tổng cộng là 113 sự việc, đó là cùng chung. Ngoài phép tắc chung này ra, còn có gia quy của riêng mình, vì sao vậy? Thứ mà chúng ta học được không giống nhau, quy củ không giống nhau, ngành nghề công việc không giống nhau, cho nên phải có quy củ riêng.

Những thứ này đều thấy được ở trong mỗi gia phổ, trong gia phổ đều có ghi chép, gia đạo, gia quy, gia học, gia nghiệp. Cho nên người xưa nói: “Bất hiếu có ba, vô hậu lớn nhất”. Vô hậu ở đây không phải nói quý vị không có con cháu đời sau, không phải ý đó. Là quý vị dạy tốt đời sau của mình, khiến họ có năng lực tiếp nối gia đạo, gia quy, gia học, gia nghiệp của quý vị. Truyền từ đời này qua đời khác, gọi là thế gia, ở đây gọi trong nhà quý vị có người, đời sau của quý vị có nhân tài. Ngày nay truyền cho đến bây giờ chỉ có một nhà, Không gia, Không tử. Gia đình này truyền đến ngày nay, ở thời đại này nó mới tan rã, đây là Trung Quốc thật sự đã truyền 2500 năm.

Cho nên nhà của Trung Quốc, đối với chính trị Trung Quốc sản sinh tác dụng mang tính quyết định. Chính là mỗi nhà đều dạy tốt con cháu của họ, đều hiểu được nhân nghĩa đạo đức lễ. Cho nên mọi người là người tốt, giáo dục của thánh hiền, mỗi người đều là thánh hiền, họ không thể làm loạn. Dù nghèo khổ, dù khó khăn họ cũng không thể làm việc phạm pháp, họ có thể nhịn. Cho nên 2000 năm trở lại xã hội này yên ổn lâu dài.

Quý vị sẽ hiểu được gốc của Trung Quốc là gì? Căn bản của thánh hiền, nội dung này quá sâu dày, đời này qua đời khác đều là thánh hiền, đời này qua đời khác đều là người tốt. Chúng ta vứt bỏ giáo huấn của tổ tông, nhiều nhất chưa tới 200 năm, bắt đầu từ Từ Hy thái hậu đến bây giờ là 200 năm. 100 năm đầu chính là 100 năm sau cùng của nhà Thanh, mọi người đã lơ là, chỉ nói, trong trường học chỉ nói không nỗ lực thực hành. Sau khi Mãn Thanh mất nước người nói cũng không còn, bây giờ ai nói? Không có ai nói. Chúng tôi đề xướng Đệ Tử Quy, rất nhiều người cảm thấy kỳ lạ, vì sao phải học thứ này? Cũng may chúng tôi đã làm thực nghiệm, thực nghiệm đã làm thành công, mọi người cảm thấy hay. Cho nên bây giờ người học tập càng ngày càng nhiều.

Nhưng giáo dục cảm rể trước đây của Trung Quốc là ba bộ sách, không phải một bộ. Ba gốc rể Nho Thích Đạo, bây giờ chỉ dạy Đệ Tử Quy, người xưa ngoài Đệ Tử

Quy ra còn học Cảm Ứng Thiên. Cảm Ứng Thiên giáo dục nhân quả, Học Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo là giáo dục Phật giáo, ba gốc này mọc rễ sâu chắc. Ngày nay chỉ giảng một bộ kém xa so với người xưa, một cái rất yếu kém, lúc danh lợi hiện ra giữ không được lập tức thay đổi lập trường.

Ba gốc rễ kiên cố, không dễ dàng thay đổi, cao danh hậu lợi bày ra trước mắt, tự mình hiểu được không nên lấy, không nên động tâm. Một cái gốc không được thì không đạt được hiệu quả này, cho nên xã hội nếu có thể yên ổn lâu dài nhất định phải nền giáo dục thật tốt. Lời nói của các bậc tổ tông là chân lí, “kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”, xây dựng chính quyền, lãnh đạo nhân dân toàn quốc, điều gì quan trọng nhất? Giáo dục quan trọng nhất. Giáo dục điều gì? Giáo dục luân lí, giáo dục đạo đức. Nếu như con người không có luân lí không có đạo đức, chỉ nói khoa học kỹ thuật, con người không có nhân luân đạo đức, con người với cầm thú có gì khau nhau đâu? So với cầm thú con người còn tạo ác nghiệp khủng khiếp hơn, vì sao vậy? Khoa học kỹ thuật có thể hủy diệt thế giới, thế giới hủy diệt rồi, họ cũng không sống được. Họ tạo tội nghiệp nặng như vậy, khổ báo của họ là ở địa ngục A Tỳ. Quý vị có những người thông linh, quý vị có thể điều tra xem.

Ái Nhân Tư Thản ở đâu, đây là người phát minh bom nguyên tử. Nếu như ông là người Trung Quốc, tiếp thu nền giáo dục truyền thống của Trung Quốc, tuyệt đối không tiết lộ bí mật này. Vì sao vậy? Ông sẽ chịu trách nhiệm nhân quả. Ở nước ngoài không được giáo dục luân lí đạo đức, họ không hiểu cái này, họ chỉ là tò mò, muốn lợi danh trước mắt của mình, không biết hậu quả rất đáng sợ. Cho nên thực sự hiểu được giáo dục nhân quả, chắc chắn không dám làm việc này.

Quý vị thấy ngày xưa, ngay cả Gia Cát Lượng phát minh trâu gỗ ngựa máy vận tải cơ giới, trước khi ông chết, hủy bỏ toàn bộ, không để lại cho người sau này. Từ điểm này để thấy, được đạo đức của người xưa, họ có trách nhiệm đối với đời sau, họ có trách nhiệm với toàn thiên hạ. Khoa học kỹ thuật dùng lúc nào là thích hợp nhất? Mọi người đều biết đạo đức, biết nhân quả, khoa học kỹ thuật có thể phát huy trên mặt chánh diện, sẽ không gây họa. Nếu như con người không có luân lí, không có đạo đức, như vậy quả thật đáng sợ.

Họ phát động chiến tranh để tiêu diệt một quốc gia, tiêu diệt một quốc gia, quả báo sau này vô cùng thâm trọng, đời đời kiếp kiếp đều ở địa ngục, không ra được. Phải chăng như vậy là tiêu diệt người khác? Không có. Quý vị tiêu diệt, thân của họ chết, những linh hồn đó đều đầu thai đến nhà quý vị, đều trở thành đời sau của quý vị. Quý vị lấy đất nước của người khác phải trả lại cho họ, lấy những tài vật phi pháp này. Những người bị hại đó đều trở thành con cháu, tương lai kế tục gia nghiệp, toàn bộ tài sản của quý vị cho họ, trả họ, nhưng quý vị nào đâu biết.

Trong nhà quý vị những gia thân quyến thuộc đó là ai? Đều là những người bị quý vị giết chết, họ đến đầu thai. Lúc quý vị hiểu được chân tướng sự việc này, con người còn có thể làm việc ngu ngốc sao? Không thể làm việc ngu ngốc này nữa. Trò chơi này không dễ chơi, oan oan tương báo.

Cho nên Phật gia nói: quan hệ của con cái và cha mẹ có bốn loại: báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ, bốn loại quan hệ như vậy. Không phải bốn loại quan hệ này, sẽ không đến cùng một nhà, cho nên con người không nên làm hại lẫn nhau, nên tôn trọng lẫn nhau, nên yêu thương lẫn nhau, như vậy mới là con người. Trong Đệ Tử Quy nói: “Phàm là người đều phải thương yêu”, không phải người một nhà cũng thương, không cùng chủng tộc cũng thương, không cùng văn hóa cũng thương, người không cùng tín ngưỡng cũng phải thương. Quý vị chỉ dùng một chữ thương, quý vị đi biến thiên hạ, thông suốt không chướng ngại.

Mười năm gần đây trong quốc tế, đây là một nhân duyên, tham gia hoạt động hòa bình của Liên Hiệp Quốc. Tôi có tham gia hai lần ở Nhật Bản, chính là Cang Sơn, tham gia hội nghị hòa bình của tổ chức giáo khoa văn Liên Hiệp Quốc. Hai lần đó ở khoảng 10 ngày, hội nghị tổ chức ba ngày, còn thời gian một tuần rảnh rỗi đi tham quan, đi ngắm cảnh, nên quen biết bạn bè ở Nhật cũng rất nhiều.

Lần này đến không thông báo, thông báo thì phải xã giao. Bây giờ không có thời gian xã giao, tuổi tác lớn, ngày tháng không còn nhiều. Trên 80 tuổi phải biết là ra đi bất cứ lúc nào, như ngọn đèn lung lay trước gió, ra đi bất cứ lúc nào. Cho nên bây giờ nắm bắt thời gian giảng thêm vài bộ kinh chia sẻ với mọi người, mọi việc khác đều từ chối. Thời gian của chúng ta không đủ dùng, quá cấp bách, nhất định phải mang lời kinh giảng rõ ràng, giảng tường tận, mọi người thực sự giác ngộ, thực sự quay đầu, thực sự lợi ích. Chúng ta mới khẳng định Quan Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn, sự việc này là thật không phải giả vậy. Ngài đầy đủ những điều kiện này chúng ta cũng phải đầy đủ điều kiện tương ứng, điểm này rất quan trọng.

Điều kiện tương ứng này quan trọng nhất chính là thiện, chúng ta có thiện tâm, tâm thiện, ý nghĩ thiện, lời nói thiện, hành vi thiện, cảm ứng đạo giao với Bồ Tát. Lúc tai nạn hiện ra, Bồ Tát chắc chắn ngài sẽ đến giúp quý vị, dù cho quý vị có cộng nghiệp, quý vị ở nơi tai nạn này có thể tử vong, tử vong không sao cả, tử vong là thân tử vong. Quan Âm Bồ Tát sẽ mang quý vị đến thế giới Cực Lạc, đây là việc tốt không phải là việc xấu, con người ai không chết? Ở thế gian này sống khổ như vậy, sống đáng thương như vậy, tôi từ sớm đã muốn đi về thế giới Cực Lạc. Phật A Di Đà không đến đón quý chúng ta, chúng ta hết cách, không nhận ra đường, nhất định phải đợi ngài đến đón chúng ta. Vậy ngài không đến đón chúng ta, có lẽ là hy vọng chúng ta ở thế giới này sống thêm mấy năm, không phải ý này sao? Ngài nhất định sẽ đến đón chúng ta.

Đây chính là chúng ta thường nói bốn điều tương đồng: Tâm tương đồng, nguyện tương đồng, đức tương đồng, hạnh tương đồng, quý vị chắc chắn được vãng sanh. Cho nên kinh sách là của báu, phải học để ứng dụng, không phải học rồi mà không vận dụng, như vậy thật là đáng tiếc. Học mà không dùng chúng ta học nó làm gì? Lãng phí thời gian, học rồi nhất định ứng dụng, đây mới là đúng.

Bên dưới tích dẫn một đoạn trong Phẩm Phổ Môn của Kinh Pháp Hoa. Trong phẩm kinh này nói: “Nếu chúng sanh đau khổ, nhất tâm xưng niệm, Quan Thế Âm Bồ Tát, liền nghe được âm thanh của ngài mà được giải thoát”. Quan Thế Âm Bồ Tát có thể giúp chúng ta giải quyết khổ não, ưu lo, dựa vào điều gì? Dựa vào đại từ đại bi vô lượng kiếp tu của ngài, vô lượng kiếp nguyện lực thành tựu. Bồ Tát có 12 nguyện, 12 nguyện này với 48 nguyện của Phật A Di Đà là tương thông. Cũng chính là 48 lời nguyện của Phật A Di Đà, Quan Âm Bồ Tát tóm gọn nó lại thành 12 nguyện. Phật Thích Ca Mâu Ni tóm gọn nó thành bốn nguyện, quý vị nghĩ xem tứ hoằng thệ nguyện: “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”. Quý vị mang bốn nguyện này đối chiếu với 48 lời nguyện, tất cả đều tương ứng, cho nên nguyện của Phật Bồ Tát giống nhau.

Tóm lại đều là vì chúng sanh, không vì bản thân, vì sao? Vì chúng sanh là vì bản thân, nói cách khác vì bản thân là chân chính hại bản thân. Người biết được chân tướng sự thật này không nhiều, vì người khác sẽ được đại tự tại, vì sao? Quý vị vì người khác, người người đều vì quý vị, quý vị rất tự tại. Quý vị vì bản thân, không có người nào vì quý vị, quý vị rất đau khổ. Cho nên có tiền tài mọi người dùng, rất hay, rất an vui! Tiền tài của quý vị cho mọi người dùng, tiền tài của mọi người cho quý vị dùng, chính là đạo lý này.

Tiền tài của mọi người cho quý vị dùng, hôm nay vân du thế giới trên thân có thể không cần phải mang theo tiền, vì sao? Cho dù đến nơi nào mọi người đều đưa tiền quý vị dùng, điều này quả thật hạnh phúc, hà tất tự mình mang theo lộ phí? Đây là thật, không phải giả. Nhiều năm như vậy, bây giờ tuổi tác tôi đã lớn, tương đối ít đi lại. Trước đây một năm phải ra giao tiếp quốc tế vài lần, không cần mang tiền, mỗi nơi đều có đồng tu cúng dường, đều có đồng tu chiếu cố. Cho nên tiền tài của chúng tôi hầu như để in ấn pháp bảo, ấn kinh sách, tặng khắp nơi để kết duyên với mọi người. Chúng ta thật sự vì người khác, quý vị yên tâm, quý vị tuyệt đối không đói, không lạnh, chắc chắn được tự tại.

Lại nói: “Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát, hay ban sự vô úy cấp trong chốn khổ nạn, chính là hạnh nguyện của ngài. Nên cõi Ta Bà gọi ngài là đáng thí vô úy”. Câu này rất quan trọng, bố thí vô úy. Quan Thế Âm bố thí vô úy, thời gian đã lâu, vô lượng kiếp trước. Ngài hành tài bố thí, pháp bố thí, vô úy bố thí, đã làm vô lượng kiếp. Cho

nên quả báo này tự nhiên hiện ra, tài phú, thông minh trí tuệ, sức khỏe sống lâu, đây là ba loại quả báo của Bồ thí. Chúng ta muốn đạt được ba loại quả báo này, phải học ba loại Bồ thí của Bồ Tát.

Của cải từ đâu mà có? Số mạng có, số mạng không có thì quý vị không phát tài được, cho dù quý làm ngành nghề gì đều không đạt được. Làm cường đạo cũng không cướp được, tiền chưa cướp được đến tay thì đã bị cảnh sát bắt, không có mạng này! Cho nên phải biết số mạng có của cải, của cải này do tài Bồ thí mà có, trong đời quá khứ đời đời kiếp kiếp thích Bồ thí tài, đời này quý vị được nhiều của cải.

Xem tướng, bói toán có đạo lí, không phải không có đạo lí, Lý Gia Thành ở HongKong mọi người đều biết. Một bằng hữu tốt của ông là Trần Lăng qua đời năm trước, là một vị cao thủ bói toán xem phong thủy. Tôi ở HongKong giảng kinh ông thường đến nghe kinh, chúng tôi quen biết từ đó, ông với Lý Gia Thành quan hệ rất sâu sắc, bảo với tôi: Lý Gia Thành 30 tuổi đến HongKong kinh doanh, ông là người Triều Sán, thuộc Triều Châu, Sán Đầu. Lúc gặp, ông xem tướng, để ông xem tướng, quan hệ được xây dựng như vậy.

Xem rất đúng, ông hỏi Lý Gia Thành, tương lai ông hy vọng có bao nhiêu tài sản thì ông thấy đủ? Lý Gia Thành nói với ông: tôi có thể có ba nghìn vạn thì đủ, Trần Lăng nói với ông ta, ông không phải chỉ có bấy nhiêu. Tài sản của ông không phải bình thường, mà từ từ lan rộng ra, bất luận ông kinh doanh buôn bán gì đều kiếm được tiền, số mạng có. Kinh doanh đó là duyên, mạng là nhân, nhân thêm duyên thì quả hiện bày. Ông nói: Lý Gia Thành tương lai là người giàu nhất HongKong, chủ định sẵn cho ông như vậy. Từ đó về sau Lý Gia Thành không rời xa ông, ngày ngày thỉnh giáo ông, ông trở thành chuyên gia cố vấn của Lý Gia Thành.

Tôi với Lý Gia Thành quen biết là do Trần Lăng giới thiệu, số mệnh có! Số mệnh không, dù buôn bán giống ông ta, nhưng ta kiếm tiền còn quý vị lỗ vốn, vì số mạng quý vị không có, điều này không thể cầu được? Cho nên con người phải thực sự hiểu rõ đạo lí này, tâm họ sẽ định, định sanh tuệ. Quý vị muốn phát tài thì quý vị Bồ thí nhiều, tu tài Bồ thí.

Lúc trẻ có người xem tướng cho tôi, kho tiền của tôi trống không, không có gì cả, đây là mạng gì? Không có tiền tài, không có quan ấn. Mạng này là mạng ăn xin, gọi là mạng ăn mày. Do gặp được Phật pháp mới hoàn toàn chuyển đổi, nếu không gặp được Phật pháp khổ không cùng tận. Nói tôi 45 tuổi chết, tôi tin tưởng không chút hoài nghi. Tôi không cầu thọ mạng, cũng không có cầu tiền tài, biết Phật pháp thù thắng, hay như vậy mà không học thì quả thật đáng tiếc. Thấy rất nhiều người học Phật không xem trọng kinh giáo, không có mang tinh thần, thời gian đặt trong kinh giáo, vô cùng đáng tiếc.

Chúng tôi có nhân duyên này, lại là một người cô thân ở Đài Loan, không có gì lo lắng, tự chăm sóc mình vô cùng thoải mái. Cho nên được thầy đề ý dạy tôi xuất gia, nghề nghiệp này là Chương Gia đại sư chọn thay cho tôi, dạy tôi học Phật Thích Ca Mâu Ni. Lý Bính Nam lão cư sĩ dạy tôi giảng kinh, tôi cũng rất thích làm việc này, cho nên Phật pháp là giáo dục. Chư Phật Bồ Tát là người thực hiện nghĩa vụ giáo dục Đức Phật, họ không cần tiền, danh văn lợi dưỡng đều không cần, công đức này rất lớn.

Dạy tốt con người là giúp ích lớn cho xã hội, cho đất nước. Cho nên trước đây, những cao tăng đại đức của Phật môn, phần nhiều đều là thầy đế vương, phong làm quốc sư, vô cùng có đạo lí. Ba thời đại nhà Nguyên, Minh, Thanh 700 năm, quý vị thấy hoàng đế của Trung Quốc, họ chỉ phong bốn vị Lạt Ma, một nửa giang sơn còn lại được kiên cố vững chắc. Đạt Lai, Ban Thiền của Tây Tạng, Chương Gia của Nội Mông Cổ, Chương Gia đại sư là người Nội Mông Triết Bố Tôn Đơn Ba của Ngoại Mông Cổ. Phong bốn vị này làm pháp vương, nghe lệnh của hoàng đế, trung thành với hoàng đế. Mãnh giang sơn này không có chuyện xảy ra, thiên hạ thái bình, quý vị thấy bốn người đã làm nên thái bình, vì họ biết dùng người, họ hiểu.

Bốn vị Lạt Ma, Chương gia đại sư là cố vấn của hoàng thượng, thường sống ở Bắc Kinh, cho nên Bắc Kinh có nơi làm việc của Ngài. Những điều này đều là quá khứ, Chương Gia đại sư nói với tôi, nơi khu vực dạy học mà nói Chương Gia đại sư lớn nhất. Thứ hai chính là Triết Bố Tôn Đơn Ba, Ngoại Mông. Phạm vi lớn, vị thứ ba mới là Ban Thiền, chỗ của Đạt Lai rất nhỏ. Tiền Tạng không lớn, hậu Tạng lớn, nhưng tiền Tạng đông dân, hậu Tạng dân ít. Trong này lớn nhất vẫn là Nội Mông, vì Nội Mông bao hàm ba tỉnh phía đông, con bao gồm Tân Cương, Thanh Hải, đây đều là địa bàn của Chương Gia đại sư.

Các bậc đế vương ngày xưa thông minh, hoàng đế học Phật, khích lệ toàn dân học Phật, đệ tử Phật biết nghe lời nhất, dễ thống trị nhất, đệ tử Phật có thể nhẫn nhục, sẽ không có vấn đề xảy ra. Dùng cách nói ngày nay đệ tử Phật là công dân tốt nhất, quý vị thấy Bồ Tát Giới Kinh, hai điều trong Phạm Võng Bồ Tát Giới Kinh: “không làm giặc của đất nước, không hủy báng quốc chủ”. Hai điều này là trọng giới, không làm giặc của đất nước, chắc chắn không thể làm việc tổn hại đến quốc gia dân tộc, như vậy là phạm đại giới.

Không hủy báng quốc chủ, quốc chủ là người lãnh đạo đất nước, người lãnh đạo của mọi tầng lớp, từ hoàng đế quan viên địa phương, họ đã phạm lỗi làm không nên phê bình, trong này có đạo lí lớn. Quý vị không phê bình họ, xã hội an định, nếu quý vị phê bình họ, sẽ làm cho xã hội không an định, nhân dân oán hận, phá hoại an ninh của xã hội, không được như thế.

Trong Anh Lạc Bồ Tát Giới Kinh có hai điều: điều thứ nhất “Không trốn thuế quốc gia”, điều thứ hai “Không phạm điều luật của quốc gia”. Vì Anh Lạc Giới là giới của tại gia Bồ Tát, hai điều này rất quan trọng đối với hàng Bồ Tát tại gia: Không trốn thuế và không phạm điều luật của quốc gia. Quốc chế chính là luật pháp của quốc gia, nhất định không thể làm trái pháp luật của quốc gia. Quý vị thấy bốn điều giới này, Phạm Võng người xuất gia thọ trì. Anh Lạc người tại gia thọ trì, có thể tuân thủ bốn điều này là công dân tốt. Cho nên cái này trị lý thiên hạ rất dễ, không rắc rối.

Cho nên nếu gặp nguy nạn khủng bố, nên chí thành \_Chữ này quan trọng\_ hướng về đại sĩ, dùng tâm chí thành của quý vị để cầu Quán Thế Âm Bồ Tát, kiên thành trì niệm danh hiệu, đây chính là niệm Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, niệm danh hiệu này đều được giải thoát. Ở sau Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, như vậy là đúng. Phẩm này chúng ta giảng đến đây là đã viên mãn.

**Hết tập 451**